

Mẫu số 01

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc



BẢN ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN
CHỨC DANH: PHÓ GIÁO SƯ

Mã hồ sơ:

(Nội dung đúng ở ô nào thì đánh dấu vào ô đó: ☒; Nội dung không đúng thì để trống: ☐)

Đối tượng đăng ký: Giảng viên ☐ Giảng viên thỉnh giảng ☒

Ngành: Y học Chuyên ngành: Vi sinh Y học

A. THÔNG TIN CÁ NHÂN

1. Họ và tên người đăng ký: **PHẠM VĂN HÙNG**

2. Ngày tháng năm sinh: 03/02/1973; Nam: ☒ Nữ: ☐ Quốc tịch: Việt Nam

Dân tộc: Kinh Tôn giáo: Không

3. Đảng viên Đảng Cộng sản Việt Nam: ☒

4. Quê quán (xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): Phường Quảng Yên- Thị xã Quảng Yên-Tỉnh Quảng Ninh.

5. Nơi đăng ký hộ khẩu thường trú (số nhà, phố/thôn, xã/phường, huyện/quận, tỉnh/thành phố): 105 A8 TT Khương Trung -Phường Khương Trung - Quận Thanh Xuân-Thành phố Hà Nội.

6. Địa chỉ liên hệ (ghi rõ, đầy đủ để liên hệ được qua Bưu điện):

Số nhà 18 (N09-LK07), Ngõ 24, Phố Văn Phú, Phường Phú La, Quận Hà Đông, Thành phố Hà Nội.

Điện thoại: 0989 790 026/0932 270 000; E-mail: hungpv@vabiotech.com.vn

7. Quá trình công tác (công việc, chức vụ, cơ quan):

- Từ khi tốt nghiệp đại học Y khoa 9/1998-12/1999: Bác sỹ hợp đồng tại Khoa tiêu hóa, Bệnh viện Bạch Mai.

- Từ tháng 02/2000 đến tháng 09/2003: Nghiên cứu viên, Khoa Kiểm định Vắc xin Vi khuẩn, Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế, Bộ Y tế. Phụ trách kiểm định Vắc xin công nghệ cao Polysaccharide và vắc xin BCG phòng lao.

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Từ tháng 09/2003 đến tháng 09/2005: Học cao học khóa 12, chuyên ngành Vi sinh Y học tại Bộ môn Vi sinh Y học, Trường Đại học Y Khoa Hà Nội.
- Từ tháng 09/2005 đến tháng 09/2007: Nghiên cứu viên, Phó trưởng Khoa Kiểm định Vắc xin Vi Khuẩn, Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế.
- Từ tháng 09/2007 đến tháng 04/2011: Học Nghiên cứu sinh tại Trường Đại Học Gifu, Nhật Bản. Chuyên ngành Y học tái tạo-Vi sinh học phân tử.
- Từ tháng 04/2011 đến tháng 08/2011: Nghiên cứu viên, Trưởng Khoa Kiểm định Vắc xin Vi Khuẩn, Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế.
- Từ tháng 08/2011 đến 10/2023: Nghiên cứu viên chính (Hạng II), Phó Viện trưởng phụ trách chuyên môn và Khoa học-Đào tạo-Hợp tác quốc tế, Viện Kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế, Bộ Y tế.
- Từ 6/2021-10/2024 là Tổng Biên tập Tạp chí Khoa học Kiểm định Vắc xin & Sinh phẩm Y tế (JCVB), Viện Kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm Y tế.
- Từ 10/2023 đến nay: Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1 (Vabiotech), Bộ Y tế.
- Cơ quan công tác hiện nay: Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1 (Vabiotech), Bộ Y tế.

Địa chỉ cơ quan: Số 1 Yersin, Phường Phạm Đình Hổ-Quận Hai Bà Trưng-Hà Nội.

Điện thoại cơ quan: +84 024 39717710/+84 093 227 0000

Thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục đại học (nếu có): Có

- Trường Đại học Y Khoa Vinh (năm 2016-2024)
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương (2018-2024)
- Trường Đại học Y Dược Thái Bình (2023-2025)

8. Đã nghỉ hưu từ tháng: Chưa

Nơi làm việc sau khi nghỉ hưu (nếu có): Không

Tên cơ sở giáo dục đại học nơi hợp đồng thỉnh giảng 3 năm cuối (tính đến thời điểm hết hạn nộp hồ sơ):

- Trường Đại học Y Khoa Vinh.
- Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương.
- Trường Đại học Y Dược Thái Bình

9. Trình độ đào tạo:

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

- Được cấp bằng ĐH ngày 18/09/1998; số văn bằng: B-80134 K25; ngành: Y học, chuyên ngành: Bác sỹ Đa khoa; Nơi cấp bằng ĐH: Trường Đại học Y Khoa Thái Nguyên, Việt Nam.

- Được cấp bằng ThS ngày 15/2/2005; Số văn bằng: A023133; ngành: Y khoa; chuyên ngành: Vi sinh Y học; Nơi cấp bằng ThS: Trường Đại học Y Khoa Hà Nội.

- Được cấp bằng TS ngày 25/03/2011; Số hiệu bằng: No. 860; ngành: Y học; chuyên ngành: Y học tái tạo tiên tiến-Vi sinh học phân tử; Nơi cấp bằng TS: Đại Học Y khoa-Đại Học Gifu, Nhật Bản.

10. Đã được bổ nhiệm/công nhận chức danh PGS ngày ... tháng ... năm ... ngành: Chưa được bổ nhiệm

11. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS cơ sở: Trường Đại học Y Dược Thái Bình.

12. Đăng ký xét đạt tiêu chuẩn chức danh Phó giáo sư tại HĐGS ngành: Y học.

13. Các hướng nghiên cứu chủ yếu:

Trên cơ sở bản thân được đào tạo bài bản từ Thạc sỹ và Tiến sỹ về chuyên ngành Vi sinh học phân tử và Công nghệ sinh học, ứng dụng trong công tác chuyên môn và nghiên cứu ứng dụng các kỹ thuật liên quan công nghệ vi sinh học phân tử và công nghệ sinh học vào công tác nghiên cứu khoa học theo các hướng nghiên cứu như sau:

1) Nghiên cứu xây dựng công thức thành phần và thiết lập quy trình sản xuất và đánh giá chất lượng các loại mẫu chuẩn sinh học cấp quốc gia, cấp vùng và mẫu nội bộ in-house bao gồm (vắc xin mẫu chuẩn, chủng vi sinh vật vi rút và vi khuẩn; kháng huyết thanh; giải độc tố/độc tố của vi khuẩn; các dòng tế bào thường trực như BHK, Vero, MRC5, HEP2...) để sử dụng cho nghiên cứu, hợp tác liên Labo trong nước và quốc tế, thẩm định thử nghiệm, đánh giá tay nghề cán bộ, thử nghiệm lâm sàng, sử dụng cho hệ thống Labo xét nghiệm và kiểm định chất lượng vắc xin và sinh phẩm y tế cả nước.

Kết quả: Đã công bố 17 bài báo khoa học có uy tín trong và ngoài nước có số thứ tự: 3; 4; 5; 9; 16; 22; 23; 24; 25; 29; 30; 32, 39; 40; 56; 58; 61 ở mục 7.1a.

- Hướng dẫn chính hoàn thành 04 học viên Thạc sỹ

- Nghiên cứu khoa học: Chủ nhiệm và hoàn thành 02 đề tài cấp bộ và 02 đề tài cấp cơ sở. Tham gia chính 01 ĐT cấp Nhà nước và 01 ĐT cấp bộ (Đã nghiệm thu).

Ban hành kèm theo Công văn số: 82/HĐGSNN ngày 18/5/2022 của Chủ tịch HĐGS nhà nước

2) Nghiên cứu áp dụng các phương pháp/kỹ thuật công nghệ cao về miễn dịch, vi sinh phân tử, công nghệ sinh học như (Elisa, Trung hòa KN-KT, Western-Blot, Điện di mao quản, phân lập và nuôi cấy, định danh vi khuẩn, chèn gen tạo plasmid, Real Time PCR, DNA tái tổ hợp, Giải trình tự gen...) trong phòng thí nghiệm kiểm định chất lượng vắc xin và sinh phẩm y tế, nghiên cứu đánh giá tính an toàn và hiệu quả đáp ứng miễn dịch vắc xin và sinh phẩm y tế trên thực địa lâm sàng và cộng đồng, chẩn đoán và nhận dạng các chủng vi sinh vật gây bệnh truyền nhiễm, nghiên cứu đánh giá dịch tễ học, đặc tính sinh học và sự lưu hành các tác nhân và kiến thức và thực hành phòng chống bệnh truyền nhiễm trên cộng đồng....

Kết quả: Đã công bố 29 bài báo đăng trên các tạp chí trong và ngoài nước có uy tín theo thứ tự: 1; 2; 6; 8; 10; 11; 15;17; 18; 19; 20; 21; 26; 27; 28; 31; 33; 35; 38; 48; 50; 51; 52; 53; 54; 55; 59; 62; 63 ở mục 7.1a

- Đào tạo: Hướng dẫn chính hoàn thành 02 Thạc sỹ

- Nghiên cứu khoa học: Chủ nhiệm và hoàn thành 02 đề tài cấp cơ sở. Tham gia chính 02 đề tài cấp bộ và 01 đề tài cấp cơ sở đã hoàn thành

3) Nghiên cứu ứng dụng kỹ thuật vi sinh và sinh học phân tử trong nghiên cứu sàng lọc, chuẩn đoán các chủng vi sinh vật là tác nhân gây bệnh và các bệnh di truyền, nhận dạng và giải trình tự DNA/RNA, Protein các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm để thiết lập các bộ mẫu chứng dương và chứng âm sử dụng cho đánh giá lâm sàng và kiểm định chất lượng sinh phẩm chẩn đoán tại IVDs sản xuất trong nước và nhập khẩu tại Việt nam. Nghiên cứu phát triển các bộ sinh phẩm chẩn đoán In-Vitro IVDs nhóm B và C (Viêm gan B/C; Cúm A/H5N1-H1N1 và Cúm B; Viêm Não Nhật Bản; HIV; Covid-19 trên gene S/N....) dùng cho phát hiện, chẩn đoán bệnh tại cơ sở y tế và các tác nhân gây bệnh truyền nhiễm trong cộng đồng.

Kết quả: Đã công bố 17 bài báo khoa học có uy tín trong và ngoài nước có số thứ tự: 7; 12; 13;14; 34; 36; 37; 38; 42; 43; 44; 45; 46; 47; 49; 57;60 ở mục 7.1a.

- Đào tạo: Hướng dẫn chính hoàn thành 01 Thạc sỹ; Đang hướng dẫn chính 01 học viên nghiên cứu sinh chuyên ngành truyền nhiễm khóa 2022-2025.

- Nghiên cứu khoa học: Chủ nhiệm và tham gia chính 02 đề tài cấp cơ sở đã nghiệm thu

14. Kết quả đào tạo và nghiên cứu khoa học:

- Đã hướng dẫn 07 Học viên Cao học, bảo vệ thành công luận văn Thạc sỹ.

- Đang hướng dẫn 01 NCS thực hiện luận án Tiến sỹ về chuyên ngành Truyền nhiễm khóa 2022-2025.
- Tham gia giảng viên thỉnh giảng tại cơ sở giáo dục về Đại học và sau đại học: Đại học Y tế Công cộng, Đại Học Y Khoa Vinh, Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương, Đại Học Y Dược Thái Bình từ năm 2013 đến nay. Đặc biệt, các năm từ 2016 đến nay, hàng năm tôi đều đạt tiêu chuẩn về giờ giảng theo qui định.
- Đã hoàn thành các đề tài/nhiệm vụ KH&CN các cấp cơ sở/Bộ/Nhà nước:
 - + Là chủ nhiệm và hoàn thành 05 đề tài cấp cơ sở từ năm 2008-2023.
 - + Là chủ nhiệm 02 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu năm 2015 và 2020
 - + Là nghiên cứu viên chính tham gia 01 đề tài cấp nhà nước và 02 đề tài cấp Bộ đã nghiệm thu và ứng dụng trong công tác chuyên môn.
 - + Là nghiên cứu viên chính đang tham gia 02 đề tài cấp Bộ thực hiện năm 2022-2024.
- Là điều phối viên, Chuyên gia tư vấn cho các dự án của tổ chức Jica, Nhật bản và tổ chức USAID từ 2012-2015.
- Từ tháng 3/2023 là thành viên Ban chủ nhiệm Chương trình khoa học và công nghệ trọng điểm quốc gia “Nghiên cứu sản xuất vắc xin sử dụng cho người đến năm 2030”
- Đã công bố 63 bài báo khoa học, có 15 bài báo đăng trên tạp chí quốc tế có uy tín (trong đó 09 bài báo là tác giả đăng trên các tạp chí quốc tế (Scopus/ISI) sau khi tốt nghiệp Tiến sỹ), có 48 bài báo đăng trên các tạp chí có uy tín trong nước (trong đó 33 bài báo là tác giả)
- Số lượng sách đã xuất bản 05, trong đó 05 thuộc nhà xuất bản có uy tín;
- Số lượng tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục, thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế: Không

15. Khen thưởng (các huân chương, huy chương, danh hiệu):

- Danh hiệu Thầy thuốc ưu tú do Chủ tịch nước phong tặng năm 2020.
- Bằng khen của Thủ tướng chính phủ năm 2016 có thành tích trong lĩnh vực Y tế
- Bằng khen của Bộ trưởng Bộ Y tế năm 2015; 2016; 2017; 2024.
- Chiến sỹ thi đua cấp Bộ Y tế năm 2018.
- Chiến sỹ thi đua cấp cơ sở năm 2016; 2017; 2018; 2020; 2021; 2022, 2023.

16. Kỷ luật (hình thức từ khiển trách trở lên, cấp ra quyết định, số quyết định và thời hạn hiệu lực của quyết định): Không.

B. TỰ KHAI THEO TIÊU CHUẨN CHỨC DANH PHÓ GIÁO SƯ

1. Tự đánh giá về tiêu chuẩn và nhiệm vụ của nhà giáo:

- Sau khi tốt nghiệp từ trường Đại học Y tôi đã làm việc tại Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế (NICVB) và Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1 (VABIOTECH), Bộ Y tế. Công việc của tôi liên quan nhiều đến công tác nghiên cứu, áp dụng kỹ thuật mới về sinh học phân tử, vi sinh, hóa sinh, miễn dịch vào công tác kiểm định chất lượng, sản xuất, thử nghiệm lâm sàng và giám sát hậu kiểm chất lượng các sản phẩm vắc xin và sinh phẩm y tế trước, trong khi sản xuất và sau khi cấp phép lưu hành tại Việt Nam. Sau khi tốt nghiệp Thạc sỹ và Tiến sỹ về chuyên ngành Vi sinh học và Y học tái tạo-Vi sinh học phân tử tại cơ sở Trường Đại Học Y Hà Nội và Đại học Y khoa Gifu, Nhật Bản từ năm 2011 tôi tiếp tục tham gia đào tạo các kỹ thuật kiểm định chất lượng vắc xin và sinh phẩm y tế cho hệ thống cán bộ kỹ thuật viên/nghiên cứu viên các đơn vị nghiên cứu; sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế. Tham gia đào tạo thường xuyên về: An toàn tiêm chủng; An toàn phòng thí nghiệm, GSP về thực hành bảo quản thuốc cho hệ thống các đơn vị CDC và khối bệnh viện. Tham gia đào tạo là giảng viên thỉnh giảng đại học và sau đại học tại một số trường Đại học và Viện nghiên cứu đào tạo như (Đại học Y tế Công cộng; Đại Học Y Khoa Vinh; Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương; Đại Học Y Dược Thái Bình). Ngoài ra tôi trực tiếp tham gia đào tạo hướng dẫn học viên sau đại học (Thạc sỹ và Tiến sỹ) tại các trường Đại học Khoa học tự nhiên, Đại học Mở, Đại học Y tế Công cộng, Viện Hàn lâm khoa học Việt Nam, Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương....)
- Từ 8/2011 đến 9/2023 là Phó Viện trưởng phụ trách chuyên môn khối Labo kiểm định Vắc xin và Sinh phẩm y tế và Nghiên cứu khoa học-Đào tạo-Hợp tác quốc tế. Từ 6/2021 là Tổng Biên tập Tạp chí khoa học Kiểm định vắc xin và Sinh phẩm Y tế của (JCVB).
- Từ 10/2023 đến nay là Chủ tịch Công ty TNHH MTV Vắc xin và Sinh phẩm số 1, Bộ Y tế.

Với vai trò là thành viên Ban lãnh đạo Viện Kiểm định Quốc gia Vắc xin và sinh phẩm y tế và Lãnh đạo Công ty nghiên cứu và sản xuất Vắc xin và Sinh phẩm, Bộ Y tế là các đơn vị đầu ngành về nghiên cứu, quản lý hệ thống chất lượng, kiểm định cấp phép và xuất xưởng lô Vắc xin và Sinh phẩm y tế, giám sát hậu kiểm chất lượng sau cấp phép trên phạm vi toàn quốc, ứng dụng nghiên cứu và sản xuất vắc xin và sinh

phẩm y tế tôi đã cố gắng học hỏi cùng với các cán bộ chuyên môn trong các đơn vị luôn hoàn thành các nhiệm vụ chuyên môn được giao trong công tác chỉ đạo tuyến, xây dựng các hướng dẫn các tài liệu kỹ thuật chuyên khảo, triển khai và áp dụng các phương pháp kỹ thuật mới trong kiểm định, đánh giá hiệu quả lâm sàng, kiểm định trong giám sát hậu kiểm các sản phẩm Vắc xin và sinh phẩm y tế tại Việt Nam, đồng thời tham gia quản lý trực tiếp đẩy mạnh công tác nghiên cứu khoa học thực hiện các đề tài cấp Nhà nước, cấp Bộ, cấp cơ sở và các nghiên cứu hợp tác liên Laboratory kiểm định với các tổ chức quốc tế và các cơ quan kiểm định quốc gia các nước trong khu vực và trên thế giới..., áp dụng các kỹ thuật/phương pháp mới trong kiểm định chất lượng Vắc xin và Sinh phẩm y tế.

Ngoài ra, trong công tác nghiên cứu tôi luôn tích cực tham gia, trực tiếp chủ nhiệm các nhiệm vụ khoa học và công nghệ thực hiện các nghiên cứu đánh giá chất lượng vắc xin và sinh phẩm trên cộng đồng, xây dựng các bộ chất chuẩn bao gồm (vắc xin, sinh phẩm, độc tố, kháng độc tố, chủng vi sinh vật...) chuẩn quốc gia sử dụng cho nghiên cứu, đánh giá chất lượng, thẩm định kỹ thuật/phương pháp trên toàn hệ thống Labo nghiên cứu và kiểm định tại cơ quan Kiểm định quốc gia và kiểm định địa phương và các cơ sở nghiên cứu và sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế. Cá nhân tôi phụ trách hoạt động Nghiên cứu khoa học-Đào tạo- Hợp tác quốc tế tại đơn vị, tôi cũng đã cố gắng thực hiện các hoạt động hợp tác, trao đổi, phối hợp nghiên cứu với các cơ quan quốc tế như (WHO, Jica-Nhật Bản, Unicef, KOIKA, Hàn Quốc, PATH...) và các cơ quan kiểm định quốc gia như (NIID-Nhật Bản, NIFDS-Hàn Quốc, NIFDC-Trung Quốc, TGA-Úc, NCL- Thái Lan, NIBSC-Châu Âu, CECMED-Cu Ba...) và các nhà khoa học /chuyên gia về nghiên cứu và sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế trong và ngoài nước, các Viện nghiên cứu trong và ngoài nước để nâng cao trình độ chuyên môn cho bản thân và cán bộ chuyên môn của đơn vị, nâng cao khả năng ngoại ngữ, hợp tác chuyển giao kỹ thuật và học tập triển khai các kỹ thuật mới, các nội dung chuyên sâu mới, triển khai các dự án hợp tác nghiên cứu về: quản lý hệ thống NRA đạt chuẩn WHO, thẩm định hồ sơ đăng ký và thử nghiệm lâm sàng về chất lượng và kiểm định, giám sát chất lượng trên cộng đồng, đánh giá tính an toàn và hiệu quả bảo vệ vắc xin và sinh phẩm y tế trên cộng đồng, ứng dụng nghiên cứu phát triển các sản phẩm vắc xin và sinh phẩm y tế sử dụng trong phòng chống bệnh truyền nhiễm tại Việt Nam.

- Trong quá trình công tác, học tập, nghiên cứu khoa học và đào tạo, tôi luôn có ý thức tu dưỡng, rèn luyện phẩm chất đạo đức của một người công dân, một người thầy thuốc và của một người làm công tác nghiên cứu khoa học. Luôn có ý thức học hỏi, trau dồi kiến thức, nâng cao trình độ chuyên môn, ngoại ngữ để có thể bắt kịp, cập nhật và phù hợp với sự phát triển của ngành trong hội nhập quốc tế.
- Trong công tác quản lý chuyên môn và trực tiếp tham gia chuyên môn với vai trò là người quản lý và phụ trách hoạt động chuyên môn khối Labo kiểm định Vắc xin và Sinh phẩm y tế và Nghiên cứu khoa học-Đào tạo-Hợp tác quốc tế, nghiên cứu sản xuất vắc xin và sinh phẩm y tế tôi luôn trung thực, không có sai phạm trong quản lý điều hành, trong giảng dạy và trong nghiên cứu khoa học. Bản thân, luôn phát huy tinh thần đoàn kết tập thể, gương mẫu, là hạt nhân kết nối hợp tác tốt với các đồng nghiệp trong và ngoài cơ quan. Nhiệt tình hỗ trợ, chia sẻ kinh nghiệm với các đồng nghiệp, sinh viên trong quá trình giảng dạy và hướng dẫn khoa học.
- Trên cương vị tham gia công tác giảng dạy tại các cơ sở đào tạo trong suốt thời gian qua tôi luôn ý thức thực hiện giảng dạy theo đúng mục tiêu, nguyên lý giáo dục, thực hiện đầy đủ và có chất lượng chương trình giáo dục, thực hiện đúng các nội quy, quy chế của các cơ sở đào tạo qui định. Cá nhân tôi luôn giữ gìn phẩm chất, uy tín, danh dự của nhà giáo, tôn trọng và đối xử công bằng với học viên, bảo vệ quyền lợi và lợi ích chính đáng của học viên/sinh viên. Bản thân tôi không ngừng học tập và rèn luyện cập nhật kiến thức chuyên môn, phương pháp giảng dạy, phẩm chất đạo đức và chính trị của người làm quản lý, thực hiện công tác chuyên môn, nghiên cứu khoa học, tham gia đào tạo và giảng dạy trong suốt thời gian qua,
- Với tất cả những điều đã thực hiện tôi nhận thấy mình đạt đủ tiêu chuẩn và nhiệm vụ của người tham gia nghiên cứu, đào tạo và giảng dạy.

2. Thời gian, kết quả tham gia đào tạo, bồi dưỡng từ trình độ đại học trở lên:

- Tổng số 8 năm 10 tháng (từ 9/2016 đến hết tháng 6/2025).
- Khai cụ thể ít nhất 06 năm học, trong đó có 03 năm học cuối liên tục tính đến ngày hết hạn nộp hồ sơ:

TT	Năm học	Số lượng NCS đã hướng dẫn		Số lượng ThS đã hướng dẫn	Số đề án, khóa luận tốt nghiệp ĐH đã HD	Số lượng giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp		Tổng số giờ giảng trực tiếp/giờ quy đổi/Số giờ định mức(*)
		Chính	Phụ			ĐH	SDH	

1	2019-2020			1		60	8	68/153/135
2	2020-2021			1		60	8	68/173/135
3	2021-2022					60	60	120/161/135
3 năm học cuối								
4	2022-2023	1		1		60	60	120/168/135
5	2023-2024					80	12	92/137/135
6	2024-2025					12	60	72/137/135

(*) - Trước ngày 25/3/2015, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Quyết định số 64/2008/QĐ-BGDĐT ngày 28/11/2008, được sửa đổi bổ sung bởi Thông tư số 36/2010/TT-BGDĐT ngày 15/12/2010 và Thông tư số 18/2012/TT-BGDĐT ngày 31/5/2012 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT.

- Từ 25/3/2015 đến trước ngày 11/9/2020, theo Quy định chế độ làm việc đối với giảng viên ban hành kèm theo Thông tư số 47/2014/TT-BGDĐT ngày 31/12/2014 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT;

- Từ ngày 11/9/2020 đến nay, theo Quy định chế độ làm việc của giảng viên cơ sở giáo dục đại học ban hành kèm theo Thông tư số 20/2020/TT-BGDĐT ngày 27/7/2020 của Bộ trưởng Bộ GD&ĐT; định mức giờ chuẩn giảng dạy theo quy định của thủ trưởng cơ sở giáo dục đại học, trong đó định mức của giảng viên thỉnh giảng được tính trên cơ sở định mức của giảng viên cơ hữu.

Cụ thể tỷ lệ (%) số giờ giảng dạy trực tiếp trên lớp tại Đại học Y Khoa Vinh, NCS Tiến sỹ tại Viện Sốt rét- Ký sinh trùng- Côn trùng Trung ương và Đại học Y Dược Thái Bình với tổng số giờ lý thuyết quy đổi các năm như sau:

Năm học 2019 - 2020: $(68/135) \times 100 = 50,4\%$

Năm học 2020 - 2021: $(68/135) \times 100 = 50,4\%$

Năm học 2021 - 2022: $(120/135) \times 100 = 88,8\%$

Năm học 2022 - 2023: $(120/135) \times 100 = 88,8\%$

Năm học 2023 - 2024: $(92/135) \times 100 = 68,1\%$

Năm học 2024 - 2025: $(72/135) \times 100 = 53,3\%$

3. Ngoại ngữ:

3.1. Tên ngoại ngữ thành thạo phục vụ chuyên môn: Tiếng Anh, Tiếng Nhật

a) Được đào tạo ở nước ngoài: ☐

- Học ĐH ☐; Tại nước:; Từ năm đến năm

- Bảo vệ luận án TS ☒ hoặc TSKH ☐ tại Nhật Bản từ 9/2007- 4/2011

b) Được đào tạo ngoại ngữ trong nước: ☐

- Trường ĐH cấp bằng tốt nghiệp ĐH ngoại ngữ: số bằng:; năm cấp:...

c) Giảng dạy bằng tiếng nước ngoài: ☐

- Giảng dạy bằng ngoại ngữ:.....

- Nơi giảng dạy (cơ sở đào tạo, nước):

d) Đối tượng khác ☐; Diễn giải:

3.2. Tiếng Anh (văn bằng, chứng chỉ): Chứng chỉ tiếng Anh C

4. Hướng dẫn NCS, HVCH/CK2/BSNT được cấp bằng/có quyết định cấp bằng:

4.1. Đã hướng dẫn thành công 07 Học viên Cao học gồm:

1. Học viên: Đào Thị Thủy lớp Thạc sỹ khóa 2013-2015 chuyên ngành Y tế công cộng Trường Đại học Y tế công cộng.
Tên đề tài: Kiến thức, thực hành của bà mẹ có con 6-24 tháng tuổi về phòng bệnh tiêu chảy tại huyện Hoài Đức, Hà Nội năm 2015 và một số yếu tố liên quan. Mã số: 60.72.03.1
Số hiệu bằng: A 134272 cấp 25/02/2016
2. Học viên: Lê Thị Hòa, lớp Thạc sỹ khóa 17 (2013-2015) chuyên ngành Vi sinh vật học, Viện sinh thái và tài nguyên môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam
Tên đề tài: Thảm định quy trình nhận dạng 10 typ kháng nguyên phế cầu trong vắc xin Synflorix™. Mã số 60 42 01 03
Số hiệu bằng: 7387 cấp 19/5/2016
3. Học viên: Đỗ Khánh Linh lớp Thạc sỹ khóa 2013-2015 chuyên ngành Vi sinh vật, Trường Đại học Khoa học tự nhiên thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội.
Tên đề tài: Đánh giá tính khả dụng của vắc xin bạch hầu đông khô RD6 dự tuyển mẫu chuẩn quốc gia. Mã số 60420107
Số hiệu bằng: QM 031137 cấp 20/3/2017
4. Học viên: Nguyễn Thị Mai Hương, lớp thạc sỹ khóa 2015-2017, chuyên ngành Công nghệ sinh học, Viện Đại học mở.
Tên đề tài: Nghiên cứu tính ổn định công hiệu và xác định mối tương quan giữa hai phương pháp Tạo đám hoại tử (PFU) và Liều gây nhiễm 50% nuôi cấy tế bào (CCID50) của vắc xin sởi dự tuyển mẫu chuẩn quốc gia. Mã số 8420201
Số hiệu bằng: A190400 cấp ngày 14/3/2018
5. Học viên: Nguyễn Mạnh Khải, lớp Thạc sỹ khóa 2016-2018 (K2), chuyên ngành Sinh học, Viện sinh thái và tài nguyên môi trường thuộc Viện Hàn lâm Khoa học và Công nghệ Việt Nam.
Tên đề tài: Đánh giá chất lượng ngân hàng tế bào Vero chuẩn quốc gia dùng cho kiểm định vắc xin và sinh phẩm y tế. Mã số 80420103
Số hiệu bằng: 7535 cấp ngày 04/6/2019
6. Học viên: Vũ Duy Dũng, lớp Thạc sỹ khóa 2018-2020, chuyên ngành Công nghệ Sinh học, Trường Đại học mở Hà Nội.
Tên đề tài: Đánh giá chất lượng và dự đoán hạn dùng vắc xin mẫu chuẩn dự tuyển quốc gia Uốn ván. Mã số 8420201
Số hiệu bằng: MHN 8000655 cấp ngày 02/4/2021
7. Học viên: Bùi Thị Kim Xuyên, lớp Thạc sỹ khóa 2022-2023 chuyên ngành Vi sinh vật học; mã số: 8420101.07 Trường Đại Học Khoa học Tự nhiên, Đại học Quốc gia Hà Nội
Tên đề tài: Nghiên cứu sử dụng dòng chuột ICR ứng dụng trong kiểm định công hiệu vắc xin chứa thành phần ho gà vô bào.

QĐ cấp bằng Thạc sỹ: số 714/QĐ-ĐHKHTN ngày 15/3/2024

4.2. Hướng dẫn học viên Nghiên cứu sinh

Hướng dẫn chính 01 NCS khóa 2022-2025, chuyên ngành Bệnh Truyền nhiễm và các bệnh nhiệt đới, mã số: 9720109, Viện Sốt rét-Ký sinh trùng-Côn trùng Trung ương

5. Biên soạn sách phục vụ đào tạo từ trình độ đại học trở lên:

TT	Tên sách	Loại sách (CK, GT, TK, HD)	Nhà xuất bản và năm xuất bản	Số tác giả	Chủ biên	Phản biên soạn (từ trang ... đến trang)	Xác nhận của cơ sở GDDH (số văn bản xác nhận sử dụng sách)
I	Trước khi được công nhận Tiến sỹ						
	Không						
II	Sau khi được công nhận Tiến sỹ						
1	An toàn Sinh học tại Phòng xét nghiệm nghiệm.	TK	NXB ĐHQG - 2017	15	Đồng chủ biên	Toàn bộ	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
2	An toàn tiêm chủng.	TK	NXB ĐHQG - 2017	18	Đồng chủ biên	Toàn bộ	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
3	Hướng dẫn Kỹ thuật kiểm định vắc xin và sinh phẩm y tế.	HD	NXB ĐHQG - 2018	26	Đồng chủ biên	Toàn bộ	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
4	Hướng dẫn đảm bảo tiêu chuẩn chất lượng tối thiểu của vắc xin và sinh phẩm y tế tại Việt Nam.	HD	NXB ĐHQG - 2018	22	Biên soạn	Toàn bộ	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương
5	Tổng quan sinh phẩm tương tự - Thành tựu của Công nghệ sinh học hiện đại.	TK	NXB ĐHQG - 2023	16	Đồng chủ biên	Toàn bộ	Viện Sốt rét - Ký sinh trùng - Côn trùng Trung ương

6. Thực hiện nhiệm vụ khoa học và công nghệ đã nghiệm thu:

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
I	Trước khi được công nhận TS				
1	Nghiên cứu giám sát hạn dùng vắc xin BCG đông khô sản xuất tại Việt Nam.	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2006-2007	Nghiệm thu 10/5/2007 Xếp loại: Xuất sắc
2	Thẩm định quy trình kiểm tra độ sống vắc xin BCG đông khô.	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2007-2008	Nghiệm thu 12/10/2008 Xếp loại: Khá

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
3	Đánh giá sự tồn lưu kháng thể kháng độc tố vi khuẩn ho gà sau tiêm 3 mũi cơ bản vắc xin DPT ở trẻ em dưới 10 tuổi trong chương trình TCMR và đáp ứng kháng thể sau tiêm mũi 4 vắc xin DPT tại Hải Dương, Bắc Ninh và Đắc Lắc, TP. Hồ Chí Minh.	Tham gia chính	Cấp Bộ	2007-2009	Nghiệm thu ngày 17/6/2010 Xếp loại: Đạt
II Sau khi được công nhận TS					
4	Thiết lập ngân hàng mẫu chuẩn quốc gia HIV dùng cho kiểm định sinh phẩm chẩn đoán HIV tại Việt Nam.	Chủ nhiệm	Cấp Bộ (BCKTKT)	2013-2015	Nghiệm thu ngày 20/10/2015. Xếp loại: Đạt
5	Nghiên cứu áp dụng phương pháp RT-PCR nhận dạng vắc xin Rotavin-M1.	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2017-2018	Nghiệm thu ngày 31/12/2018. Xếp loại: Đạt
6	Nghiên cứu sản xuất kháng huyết thanh chứng dương chủng Nakayama Viêm não Nhật Bản.	Đồng chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2017-2018	Nghiệm thu ngày 21/12/2018. Xếp loại: Đạt
7	Đánh giá tương đồng giữa các hệ thống Realtime PCR.	Chủ nhiệm	Cấp cơ sở	2022-2023	Nghiệm thu ngày 12/4/2023 Xếp loại: Đạt
8	Nghiên cứu thiết lập và đánh giá chất lượng ngân hàng tế bào Vero dùng cho kiểm định vắc xin, sinh phẩm y tế	Chủ nhiệm	Cấp Bộ	2018-2020	Nghiệm thu ngày 24-10-2020 Xếp loại: Khá
9	Nghiên cứu chế tạo bộ sinh phẩm Multiplex RT-PCR phát hiện chủng vi rút Corona 2019 (2019-nCoV) qui mô phòng thí nghiệm.	Tham gia chính	Cấp cơ sở	2020	Nghiệm thu ngày 03/03/2020 Xếp loại: Đạt
10	Nghiên cứu xây dựng ngân hàng mẫu chuẩn quốc gia HBs dùng cho kiểm định chất lượng sinh phẩm chẩn đoán viêm gan B tại Việt	Tham gia chính	Cấp Bộ	2018-2020	Nghiệm thu ngày 18-03-2021 Xếp loại: Xuất sắc

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	Nam.				
11	Nghiên cứu thiết lập và đánh giá chất lượng 11 vắc xin mẫu chuẩn quốc gia dùng cho kiểm định chất lượng vắc xin tại Việt nam	Tham gia chính	Nhà Nước	2018-2021	Nghiệm thu ngày 12/11/2021 Xếp loại: Đạt

Các nhiệm vụ khoa học đang thực hiện

TT	Tên nhiệm vụ khoa học và công nghệ (CT, ĐT...)	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Thiết lập và đánh giá chất lượng ngân hàng tế bào BHK-21, MRC-5 , RK13, Hep-2, L929 chuẩn quốc gia dùng trong kiểm định vắc xin và sinh phẩm y tế.	Tham gia chính	Cấp Bộ	2022-2024	Đang thực hiện
2	Nghiên cứu thiết lập ngân hàng chủng vi rút và huyết thanh chuẩn Quốc gia kháng huyết thanh Viêm não Nhật Bản Beijing-1 và Nakayama dùng cho kiểm định vắc xin viêm não Nhật Bản.	Tham gia chính	Cấp Bộ	2022-2024	Đang thực hiện

- Các chữ viết tắt: CT: Chương trình; ĐT: Đề tài; CN: Chủ nhiệm; PCN: Phó chủ nhiệm; TK: Thư ký.

Các chương trình, dự án, nhiệm vụ KHCN, và hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học đã và đang thực hiện

TT	Tên chương trình, dự án, hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học	CN/PCN/TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
1	Nghiên cứu sản xuất vắc xin sử dụng cho người đến năm 2030. <i>Chương trình KH&CN trọng điểm quốc gia.</i>	TV Ban Chủ nhiệm	Bộ KH&CN	2023-2030	Đang thực hiện
2	Hợp tác Liên CP Việt Nam-Cuba về nâng cao năng lực cơ quan Quốc gia quản lý hệ thống chất lượng và kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế (NRA/NCL) Việt Nam và cơ quan kiểm định quốc gia	Phụ trách từ 2012 - 2022	Bộ Y tế	2012-2022	Kết quả tốt

TT	Tên chương trình, dự án, hoạt động hợp tác nghiên cứu khoa học	CN/PCN /TK	Mã số và cấp quản lý	Thời gian thực hiện	Thời gian nghiệm thu (ngày, tháng, năm)/Xếp loại KQ
	về thuốc và quản lý trang thiết bị y tế Cuba (CECMED).				
3	Hợp tác Cơ quan Kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm y tế Việt Nam (NCL/NICVB) và cơ quan kiểm định quốc gia và kiểm soát bệnh truyền nhiễm Nhật Bản (NIID).	Phụ trách Giai đoạn 2015-2019	Cấp Viện	1015-2019	Kết quả tốt
4	Hợp tác hệ thống cơ quan kiểm định quốc gia Vắc xin và Sinh phẩm (WHO/WPR-NRA/NCLs NETWORK) các nước khu vực Châu Á Tây Thái Bình Dương.	Phụ trách Giai đoạn 2016-2023	Cấp Bộ	2016-2023	Kết quả tốt
5	Hợp tác liên Labo Kiểm định áp dụng phương pháp ELISA kiểm định công hiệu vắc xin Viêm não Nhật Bản giữa cơ quan kiểm định Quốc gia Hàn quốc (KFDA/NIFDS)-Việt Nam (NCL/NICVB)	Phụ trách	Cấp Viện	2018-2020	10/2020 Kết quả tốt
6	Hợp tác liên Labo Kiểm định áp dụng phương pháp ELISA kiểm định công hiệu Cắc xin xét xuất huyết (Dengue) giữa Cơ quan Kiểm định quốc gia NCL-NICVB, Việt Nam và Nhà sản xuất SANOFI, Pháp	Phụ trách	Cấp Viện	2017-2018	11/2018 Kết quả tốt

7. Kết quả nghiên cứu khoa học và công nghệ đã công bố (bài báo khoa học, báo cáo khoa học, sáng chế/giải pháp hữu ích, giải thưởng quốc gia/quốc tế):

7.1.a. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố:

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I Trước khi được công nhận Tiến sỹ								
1.	<i>dnaJ</i> sequences of <i>Bacillus cereus</i> strains isolated from outbreaks of hospital infection are highly similar to bacillus anthracis. doi.org/10.1016/j.diagmicrobio.2011.02.012 Đồng tác giả	6		Diagnostic Microbiology and Infectious Disease	Print ISSN: 0732-8893 IF 2.803	1788	Vol 70 (2011)/ 307-315	2011
II Sau khi được công nhận Tiến sỹ								

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
2.	Genetic relatedness and Identification of clinical strains of genus <i>Campylobacter</i> based on <i>dnaJ</i> , 16S rRNA, <i>groEL</i> , and <i>rpoB</i> gene sequences. https://agriknowledge.affrc.go.jp/RN/2010814688.pdf Tác giả chính	6	X	Japan Society for Culture Collections (JSCC)	Print ISSN: 13424041 IF 1.02	230	Vol 27 (1): 1-12	2011
3.	The First Meeting of the National Control Laboratories for vaccines and Biologicals in Western Pacific in 2016. doi.org/10.24171/j.phrp.2017.8.1.13 Đồng tác giả	14		Osong Public Health Res Perspect	Print ISSN 2210-9099 eISSN 2233-6052 IF: 1.24	2473	Vol 8 (1)/ 91-103	2017
4.	The 2 nd Meeting of National Control Laboratories for Vaccine and Biologicals in Western Pacific 2018. doi.org/10.24171/j.phrp.2018.9.3.10 Đồng tác giả	20		Osong Public Health Res Perspect	Print ISSN 2210-9099 eISSN 2233-6052 IF: 1.24	2320	Vol 9(3):133-139	2018
5.	Status of Antibiotics use for Children of Mother with Children under the age of five years at Nam Dinh in 2020. https://archives.palarch.nl/index.php/jae/article/view/11132 Tác giả chính	4	X	PalArch's Journal of Archaeology of Egypt / Egyptology	Print ISSN: 1567-214X IF: 0.5	23865	Vol 19, số 2/1018-1027	2022
6.	Strategy for detection of Japanese encephalitis virus genotyping with combination MAC-ELISA, NS1-ELISA and Realtime RT-PCR. https://archives.palarch.nl/index.php/jae/article/view/11133 Tác giả chính	7	X	PalArch's Journal of Archaeology of Egypt / Egyptology	Print ISSN: 1567-214X IF: 0.5	23865	Vol 19, số 2/1028-1038	2022
7.	Sleep apnea in people with Down syndrome: Causes and effects of physical activity? doi.org/10.3389/fneur.2023.1123624	5		Frontiers in Neurology	Print ISSN 1664-2295 IF: 4.086	839	Vol 14/2023 /1-7	2023

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	<i>Đồng tác giả</i>							
8.	Common Adverse Events from Mixing COVID-19 Vaccine Booster in Hanoi, Vietnam. doi.org/10.3390/vaccines11061097 <i>Tác giả chính</i>	5	X	Vaccines of MDPI Journals	Print ISSN 2076-393X IF: 5.2	6099	Vol 11 (6)/1097	2023
9.	Report for the Eighth Asian National Control Laboratory Network meeting in 2023: Self-sufficiency strategy of plasma-derived medicinal products and regulatory harmonization. https://doi.org/10.1016/j.biologics.2024.101754 <i>Đồng tác giả</i>	15		Biologicals	Print ISSN 1045-1056 IF: 1.7	2412	Vol 85/1-7	2024
10.	Antibody response after a booster covid-19 vaccine in Hanoi, Vietnam: a suggestion for vaccine mixing and matching. doi.org/10.24976/Discover.Med.202436180.17 <i>Đồng tác giả</i>	6		Discovery Medicine Journal	Print ISSN 1539-6509 IF: 7.8	1094	Vol 36 (180)/182-189	2024
11.	Safety and Immunogenicity of the Live Attenuated Varicella Vaccine in Vietnamese Children Aged 12 Months to 12 Years: An Open-Label, Single-Arm Bridging Study. https://doi.org/10.3390/v16060841 <i>Tác giả chính</i>	7	X	Viruses of MDPI Journals	Print ISSN 1999-4915 IF: 3.8	14298	Vol 16 (6)/841	2024
12.	Insights into Down Syndrome Screening and Diagnostic Test Preferences Among Pregnant Women: Findings from a Cross-Sectional Study in Vietnam. https://doi.org/10.5812/inms-147406 <i>Tác giả chính (Correspondence)</i>	7	X	Journal of Nursing and Midwifery Science	ISSN: e: 2345-5764 p: 2345-5756 IF: 0.5	698	Vol 11 (2)/1-9	2024
13.	Significant Associations Between Age, Menstrual Status, and Histopathological Types of Cervical Carcinoma in	7	X	Biomedical Research and Therapy	ISSN: 2198-4093 IF: 0.8		Vol 11 No. 6/6511-6519	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Vietnamese Patients: Insights from a Retrospective and Prospective Analysis. doi.org/10.15419/bmrat.v11i6.897 Tác giả chính							
14.	Comparative Efficacy of NCV-Sequencing and Karyotyping in Prenatal Genetic Diagnosis. Doi.org/10.15419/bmrat.v11i7.908 Tác giả chính (Correspondence)	5	X	Biomedical Research and Therapy	ISSN: 2198-4093 IF: 0.8		Vol 11 No. 7/6622-6632	2024
15.	Safety and Immunogenicity of an inactivated vero cell-based rabies vaccine (Rabivax-S) in pre-exposure prophylaxis schedule in Vietnam. doi.org/10.7774/cevr.2025.14.e9 Tác giả chính (Correspondence)	6	X	Clinical and Experimental Vaccine Research.	ISSN 2287-3651		Vol 14 No.1/51-58	2025
16.	Đánh giá chất lượng vắc xin dự tuyển mẫu chuẩn quốc gia vắc xin viêm gan B tái tổ hợp tại Việt Nam. Đồng tác giả	10		Tạp chí Y học dự phòng (VJPM)	Print ISSN 0868-2836		Tập XXV số 8 (168)/ 458-465	2015
17.	Ứng dụng phương pháp RT-PCR để nhận dạng vi rút viêm gan A trong các loại vắc xin viêm gan A. Đồng tác giả	6		Tạp chí Y học dự phòng (VJPM)	Print ISSN 0868-2836		Tập 27, số 11/259-265	2017
18.	Application of Next Generation Sequencing for genetic identification of Aik-C strain used for production of live-attenuated measles vaccine in Vietnam: Phylogenetic characteristics total substitutions. Đồng tác giả	8		Tạp chí Y học dự phòng (VJPM)	Print ISSN 0868-2836		Tập 27, số 12/43-53	2017
19.	Application of Next Generation Sequencing for genetic identification of Aik-C strain used for production of live-	9		Tạp chí Y học dự phòng (VJPM)	Print ISSN 0868-2836		Tập 27, số 12/64-77	2017

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	attenuated measles vaccine in Vietnam: Substitutions at protein level. <i>Đồng tác giả</i>							
20.	Prevalence of Human Papilloma virus (HPV) infection and genotype distribution among women in Vietnam: A Literature Riview to improve health program against anogenital cancer. <i>Đồng tác giả</i>	8		Tạp chí Y học dự phòng (VJPM)	Print ISSN 0868-2836		Tập 27, số 12/11-21	2017
21.	Assessment on the capacity and services delivery for the people living with HIV/AIDS of major public healthcare facilities in 4 provinces/cities in Vietnam, 2016. <i>Đồng tác giả</i>	8		Tạp chí Y học dự phòng (VJPM)	Print ISSN 0868-2836		28 (3)/46-55	2018
22.	Nhận dạng tế bào thận khi xanh Vero 76 qua các thể hệ cấy chuyển. <i>Đồng tác giả</i>	6		Tạp chí Công nghệ Sinh học (VJBT)	Print ISSN 1811-4989		18 (3)/1-8	2020
23.	Đánh giá chất lượng và tính ổn định của lô dự tuyển mẫu chuẩn quốc gia vắc xin viêm não nhật bản bất hoạt trên tế bào Vero chủng Beijing-1 tại Việt Nam. <i>Đồng tác giả</i>	10		Tạp chí Y học dự phòng (VJPM)	Print ISSN 0868-2836		Tập 31, số 2/19-26	2021
24.	Xây dựng tiêu chuẩn và sản xuất vắc xin mẫu chuẩn quốc gia thương hàn Vi tại Việt Nam. <i>Đồng tác giả</i>	7		Tạp chí Y học dự phòng (VJPM)	Print ISSN 0868-2836		Tập 31, số 3/28-36	2021
25.	Comparison Potency assay Methods as Plaque Forming Unit (PFU) and Cell Culture Infectious Dose 50% (CCID50) of the Candidate National Reference Standard Measles	1	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng	Print ISSN 0868-3735		Tập 126, số 6/51-59	2021

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	Vaccine. <i>Tác giả chính</i>			(JMPDC)				
26.	Evaluation of the level residual H5N1 antibody results and epidemiological characteristics involved on the volunteer group in Nha Trang. <i>Tác giả chính</i>	2	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng (JMPDC)	Print ISSN 0868-3735		Tập 126, số 6/60-69	2021
27.	Specific indentification of Influenzavirrus (A/H5N1) strain in Influenza A/H5N1 Vaccine by RT-PCR method. <i>Tác giả chính</i>	1	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng (JMPDC)	Print ISSN 0868-3735		Tập 126, số 6/60-69	2021
28.	Xác định công hiệu vắc xin Viêm não Nhật Bản bất hoạt trên in vitro bằng phương pháp ELISA. <i>Tác giả chính</i>	1	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng (JMPDC)	Print ISSN 0868-3735		Tập 127, số 1/22-30	2022
29.	Nghiên cứu thiết lập Vắc xin mẫu chuẩn quốc gia <i>Heamophilus influenza</i> Type B sử dụng cho kiểm định chất lượng Vắc xin Hib tại Việt Nam. <i>Tác giả chính</i>	1	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng (JMPDC)	Print ISSN 0868-3735		Tập 127, số 1/66-73	2022
30.	Nghiên cứu xây dựng đơn vị quốc tế (IU/ml) cho Vắc xin mẫu chuẩn quốc gia Bạch hầu MCQG.BH.01 dùng cho kiểm định chất lượng Vắc xin phòng bệnh Bạch hầu tại Việt Nam. <i>Tác giả chính</i>	1	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng (JMPDC)	Print ISSN 0868-3735		Tập 127, số 1/91-97	2022
31.	Áp dụng kỹ thuật trung hòa độc tố trên chuột nhắt trắng để kiểm	1	X	Tạp chí Phòng	Print ISSN 0868-3735		Tập 128, số	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	định công hiệu huyết thanh chứa kháng thể đặc hiệu kháng độc tố vi khuẩn Uốn ván. <i>Tác giả chính</i>			chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng (JMPDC)			2/42-50	
32.	Nghiên cứu tối ưu hóa môi trường nuôi cấy chủng (<i>Bordetella pertussis</i> 18323) sử dụng trong kiểm định công hiệu Vắc xin Ho gà. <i>Tác giả chính</i>	1	X	Tạp chí Phòng chống Bệnh sốt rét và các bệnh ký sinh trùng (JMPDC)	Print ISSN 0868-3735		Tập 128, số 2/64-71	2022
33.	Thực trạng mắc tiêu chảy của trẻ em từ 6-24 tháng tuổi tại xã Minh Khai, Hoài Đức, Hà Nội và Một số yếu tố liên quan. <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí nghiên cứu Y học Trường Đại học Y Hà Nội	Print ISSN 2354-080X		Tập 153, số 5/201-209	2022
34.	Đặc điểm Abumin niệu và một số yếu tố liên quan của bệnh nhân đái tháo đường tuýp 2 đến khám tại bệnh viện Đại học Y Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	02	X	Tạp chí Y học thăm hỏi & Bông (YHTHVB)	Print ISSN 1589-3461		Số 2/30-35	2022
35.	Thực trạng nhiễm tụ cầu vàng trên bàn tay của sinh viên kỹ thuật xét nghiệm bệnh viện Đại học Y Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	02	X	Tạp chí Y học thăm hỏi & Bông (YHTHVB)	Print ISSN 1589-3461		Số 2/62-67	2022
36.	Mối liên quan giữa nồng độ C-Peptide với biến chứng đái tháo đường của bệnh nhân tại bệnh viện Đại học Y Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1859-1868		Tập 512, số 1/42-44	2022
37.	Đặc điểm HbA1c của bệnh nhân đái tháo đường typ 2 tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1859-1868		Tập 512, số 1/138-142	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
38.	Đặc điểm thiếu máu thiếu sắt ở bệnh nhân nhiễm <i>Helicobacter pylori</i> tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1859-1868		Tập 512, số 2/63-66	2022
39.	Mối tương quan giữa hai phương pháp tạo đám hoại tử (PFU) và liều gây nhiễm 50% nuôi cấy tế bào (CCID50) của Vắc xin sởi dự tuyển mẫu chuẩn Quốc gia Việt Nam. <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1859-1868		Tập 513, số 2/68-72	2022
40.	Tính ổn định và công hiệu của Vắc xin sởi dự tuyển mẫu chuẩn Quốc gia Việt Nam. <i>Tác giả chính</i>	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1859-1868		Tập 513, số 2/120-125	2022
41.	Thu thập và xác định các đặc tính mẫu ngân hàng mẫu chuẩn dùng cho kiểm định chất lượng Sinh phẩm chẩn đoán HIV. <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN: 1859-1868		Tập 513, số 2/241-245	2022
42.	Đặc điểm mô bệnh học của bệnh nhân ung thư đại trực tràng đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1589-1868		Tập 514, số 1/338-341	2022
43.	Đánh giá thực trạng teo niêm mạc dạ dày theo phân loại OLGA và một số yếu tố liên quan trên bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội <i>Tác giả chính</i>	1	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1589-1868		Tập 514, số 2/25-28	2022
44.	Đặc điểm xét nghiệm Protein huyết thanh của bệnh nhân vảy nến tại Bệnh viện Đại Học Y Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1589-1868		Tập 514, số 2/144-147	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
45.	Đặc điểm ung thư biểu mô tế bào gan của Bệnh nhân đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1589-1868		Tập 514, số 2/254-259	2022
46.	Đặc điểm cận lâm sàng của bệnh nhân Thalassemia đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1589-1868		Tập 515, số 1/1-5	2022
47.	Thực trạng sử dụng kháng sinh trong điều trị nhiễm khuẩn Gram âm đa kháng tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	4	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1589-1868		Tập 515, số 1/262-266	2022
48.	Thực trạng nhiễm <i>E. coli</i> và <i>Coliform</i> trong sản phẩm của một số cơ sở sản xuất nước uống đóng chai tại Hà Nội năm 2020. <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1589-1868		Tập 515, số 2/54-57	2022
49.	Đặc điểm xét nghiệm Vitamin D trong máu của những bệnh nhân có Hội chứng chuyển hóa đến khám tại Bệnh Viện Đại học Y Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1589-1868		Tập 515, số 2/140-144	2022
50.	Đặc điểm nồng độ Vitamin B1 trong máu bệnh nhân đái tháo đường Typ 2 đến khám tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	2	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1589-1868		Tập 515, số 2/289-292	2022
51.	Kiến thức, thực hành chăm sóc khi trẻ bị tiêu chảy của bà mẹ có con từ 6-24 tháng tuổi tại xã Minh Khai, Huyện Hoài Đức, Hà Nội. <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí Y học Cộng đồng (VJCM)	Print ISSN 2354-0613		Tập 63, số 3/178-184	2022
52.	Thực trạng viêm gan B của người hiến máu tình nguyện tại Bệnh viện Đại học Y Hà Nội năm 2021.	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1589-1868		Tập 516, số 2/37-40	2022

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	<i>Tác giả chính</i>							
53.	Thực trạng dinh dưỡng và một số yếu tố liên quan của trẻ em dưới 5 tuổi tại xã Chí Minh, Tứ Kỳ, Hải Dương <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1589-1868		Tập 516, số 2/123-128	2022
54.	Kiến thức thực hành về trồng rau an toàn và thực trạng nhiễm ký sinh trùng trên rau sống của người dân xã Văn Đức, Gia Lâm <i>Tác giả chính</i>	3	X	Tạp chí Y học Việt Nam (VMJ)	Print ISSN 1589-1868		Tập 516, số 2/287-291	2022
55.	Thực trạng phát triển và ứng dụng Sinh phẩm tương tự trong y học hiện đại: Tổng quan về qui định cấp phép lưu hành của EMA và FDA. <i>Tác giả chính</i>	5	X	Kiểm định vắc xin và sinh phẩm y tế (JCVB)	Print ISSN 2815-6269		Tập 3/số 1/22-39	2023
56.	Evaluating the quality of vero 76 cell bank national reference standard used for quality control of vaccines and biologicals products. <i>Đồng tác giả</i>	8		Kiểm định vắc xin và sinh phẩm y tế (JCVB)	Print ISSN 2815-6269		Tập 3/số 3/4-17	2023
57.	Efficacy evaluation of BD Oral Spray on the Symptoms and Course of Covid-19 patients in the Clinical Hospital. <i>Đồng tác giả</i>	4		Kiểm định vắc xin và sinh phẩm y tế (JCVB)	Print ISSN 2815-6269		Tập 3/số 3/88-96	2023
58.	Tổng quan Mẫu chuẩn sử dụng trong kiểm định Vắc xin và Sinh phẩm Y tế. <i>Đồng tác giả</i>	5		Kiểm định vắc xin và sinh phẩm y tế (JCVB)	Print ISSN 2815-6269		Tập 3/số 4/21-28	2023
59.	Đặc điểm lâm sàng và hình ảnh nội soi ở trẻ viêm, loét dạ dày-tá tràng tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An. <i>Đồng tác giả</i>	5		Tạp chí Y học Cộng đồng	Print ISSN 2354-0613		Tập 65/số/23 0-236	2024
60.	Đặc điểm vi khuẩn và kết quả kháng sinh đồ trong viêm mũi	4	X	Tạp chí Y học Cộng	Print ISSN 2354-0613		Tập 65/số/23	2024

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Loại Tạp chí quốc tế uy tín: ISI, Scopus (IF, Qi)	Số lần trích dẫn	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
	xoang cấp ở trẻ em tại Bệnh viện Sản Nhi Nghệ An. <i>Tác giả chính</i>			đồng			7-246	
61.	Mẫu chuẩn thứ cấp trong kiểm định Vắc xin và Sinh phẩm Y tế. <i>Đồng tác giả</i>	5		Kiểm định vắc xin và sinh phẩm y tế (JCVB)	Print ISSN 2815-6269		Tập 4/số 1/18-27	2024
62.	Một số đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và cận lâm sàng trẻ em dưới 2 tuổi viêm phổi nhiễm vi rút hợp bào đường hô hấp (RSV) tại Bệnh viện Sản nhi Nghệ An <i>Tác giả chính</i>	4	X	Tạp chí Y học dự phòng (VJPM)	Print ISSN 0868-2836		Tập 34, số 1/81-88	2024
63.	Một số đặc điểm dịch tễ học, lâm sàng và nội soi viêm mũi xoang cấp ở trẻ em tại bệnh viện Sản Nhi Nghệ An <i>Tác giả chính</i>	5	X	Tạp chí Y học dự phòng (VJPM)	Print ISSN 0868-2836		Tập 34, số 1/89-96	2024

7.1.b. Bài báo khoa học, báo cáo khoa học đã công bố (Dành cho các chuyên ngành thuộc ngành KH An ninh và KH Quân sự được quy định tại Quyết định số 25/2020/QĐ-TTg)

TT	Tên bài báo/báo cáo KH	Số tác giả	Là tác giả chính	Tên tạp chí hoặc kỷ yếu khoa học/ISSN hoặc ISBN	Thuộc danh mục tạp chí uy tín của ngành	Tập, số, trang	Tháng, năm công bố
I	Trước khi được công nhận PGS/TS						
1	Không có						
...							
II	Sau khi được công nhận PGS/TS						
1	Không có						

- Trong đó: số lượng và thứ tự bài báo khoa học đăng trên tạp chí khoa học uy tín của ngành mà ứng viên là tác giả chính sau Tiến sỹ là 40/61 trong đó 07 bài báo đăng trong tạp chí quốc tế có uy tín trong danh mục ISI/Scopus và 33 bài báo đăng trong các tạp chí có uy tín trong nước.

7.2. Bảng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích

TT	Tên bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích	Tên cơ quan cấp	Ngày tháng năm cấp	Tác giả chính/đồng tác giả	Số tác giả
1	Không				

- Trong đó: số bằng độc quyền sáng chế, giải pháp hữu ích được cấp, là tác giả chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):

7.3. Tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu thể dục thể thao đạt giải thưởng quốc gia, quốc tế

TT	Tên tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu TDTT	Cơ quan/tổ chức công nhận	Văn bản công nhận (số, ngày, tháng, năm)	Giải thưởng cấp Quốc gia/Quốc tế	Số tác giả
1	Không				

- Trong đó: số tác phẩm nghệ thuật, thành tích huấn luyện, thi đấu đạt giải thưởng quốc tế, là tác giả chính/hướng dẫn chính sau khi được công nhận PGS hoặc được cấp bằng TS (ghi rõ số thứ tự):.....

8. Chủ trì hoặc tham gia xây dựng, phát triển chương trình đào tạo hoặc chương trình/dự án/đề tài nghiên cứu, ứng dụng khoa học công nghệ của cơ sở giáo dục đại học đã được đưa vào áp dụng thực tế:

TT	Chương trình đào tạo, chương trình nghiên cứu ứng dụng KHCN	Vai trò UV (Chủ trì/Tham gia)	Văn bản giao nhiệm vụ (số, ngày, tháng, năm)	Cơ quan thẩm định, đưa vào sử dụng	Văn bản đưa vào áp dụng thực tế	Ghi chú
1	Không					

C. CAM ĐOAN CỦA NGƯỜI ĐĂNG KÝ XÉT CÔNG NHẬN ĐẠT TIÊU CHUẨN CHỨC DANH:

Tôi cam đoan những thông tin về kết quả thực hiện các nhiệm vụ theo quy định HĐGSNN trên là đúng sự thật, nếu sai tôi xin chịu trách nhiệm trước pháp luật.

Hà Nội, ngày 20 tháng 6 năm 2025

NGƯỜI ĐĂNG KÝ

Phạm Văn Hùng